|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT MỚI**

**VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HỆN HÀNH**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh | Quy định này quy định về nội dung và trách nhiệm quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | Xác định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng để triển khai các quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ ở cấp địa phương. |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng | Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tố chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng. |
| Điều 3. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển | 1. Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và công bố đường mực nước triều cao trung bình nhiều năm trên địa bàn thành phố Hải Phòng và bản đồ được ban hành kèm theo Quyết định.  2. Quyết định số 784/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Hải Phòng và bản đồ được ban hành kèm theo Quyết định.  3. Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng và bản đồ được ban hành kèm theo Quyết định.  4. Quyết định số 3256/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển thành phố Hải Phòng.  5. Sơ đồ vị trí mốc giới và bảng thống kê các vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển. | Chuẩn hóa hồ sơ để phục vụ công tác công bố, niêm yết, tra cứu tài liệu trong quá trình quản lý. |
| Điều 4. Các hoạt động bị nghiêm cấm, bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển | 1. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 24 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.  2. Các hoạt động bị hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại Điều 25 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Điều 41 Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. | Bảo đảm thống nhất với các quy định của Luật Tài nguyên, Môi trường Biển và Hải đảo và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ. |
| Điều 5. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển | 1. Yêu cầu của mốc giới, quy cách mốc giới thực hiện theo quy định tại Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32 Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.  2. Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.  3. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, bảo đảm đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ. | Cụ thể hóa quy định về mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển để phục vụ công tác quản lý, bảo vệ mốc giới đảm bảo theo quy định. |
| Điều 6. Lưu giữ, bảo quản, cung cấp, khai thác hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển | 1. Lưu giữ, bảo quản hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển  a) Hồ sơ gốc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển lưu giữ tại Sở Nông nghiệp và Môi trường.  b) Hồ sơ bàn giao cho cấp xã phục vụ quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển bao gồm: Bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo đơn vị hành chính cấp xã (dạng giấy và dạng số); Sơ đồ vị trí mốc giới và bảng thống kê các vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển theo đơn vị hành chính cấp xã (dạng giấy bản sao); biên bản bàn giao mốc giới (dạng giấy bản sao).  2. Cung cấp, khai thác hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển  Việc cung cấp, khai thác thông tin dữ liệu từ hồ sơ về hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật về thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. | Tạo quy trình chuẩn về lưu trữ thông tin hành lang bảo vệ bờ biển nhằm thuận lợi cho việc khai thác, chia sẻ thông tin để phục vụ công tác quản lý |
| Điều 7. Phối hợp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển | 1. Phối hợp trong công tác lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch liên quan hành lang bảo vệ bờ biển.  a) Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (*nếu có*) để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và Uỷ ban nhân dân các địa phương có biển tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.  b) Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt.  2. Phối hợp trong cắm mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.  a) Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển; cơ quan Nhà nước quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân địa phương có biển tham gia các nội dung liên quan trong cắm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển theo đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường.  b) Khi các cơ quan Nhà nước hoặc tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu phối hợp trong việc bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển và xử lý các nội dung liên quan hành lang bảo vệ bờ biển; Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm phối hợp, cung cấp, xử lý thông tin, tổ chức giải quyết theo thẩm quyền. | Bảo đảm sự phối hợp giữa các Sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển tránh chồng chéo giữa các hoạt động phát triển kinh tế, các quy hoạch kế hoạch phát triển của ngành với việc bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định. |
| Điều 8. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển | l. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:  a) Chủ trì thực hiện việc thiết lập, công bố hành lang bảo vệ bờ biển theo theo quy định tại khoản 1, Điều 39, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ; quản lý hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.  b) Lưu trữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển, hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Bàn giao hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển cho các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các địa phương có khu vực hành lang bảo vệ bờ biển để quản lý, sử dụng.  c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức công bố hành lang bảo vệ bờ biển trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.  d) Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định pháp luật.  đ) Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ theo quy định.  2. Các sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủvà Quy định này. | Phân công trách nhiệm rõ ràng để các Sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện theo quy định. |
| Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có hành lang bảo vệ bờ biển | 1. Thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có hành lang bảo vệ bờ biển được quy định tại khoản 2, 3 Điều 43 Nghị định số [40/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-40-2016-nd-cp-huong-dan-luat-tai-nguyen-moi-truong-bien-va-hai-dao-302112.aspx) của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.  2. Niêm yết công khai Bản đồ thể hiện ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tại trụ sở Ủy ban nhân dân địa phương nơi có hành lang bảo vệ bờ biển.  3. Xử lý theo thẩm quyền, báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển về Sở Nông nghiệp và Môi trường.  4. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp. | Việc công khai thông tin về hành lang bảo vệ bờ biển và báo cáo định kỳ nhằm tăng cường sự giám sát trong công tác quản lý. |
| Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan | 1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủvà Quy định này.  2. Việc khai thác, sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đảm bảo không có các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này và quy định pháp luật liên quan. | Quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển. |
| Điều 11. Tổ chức thực hiện | 1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai quy định này.  2. Các Sở, ban, ngành, Uỷ ban nhân dân các địa phương có biển và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai quy định này. | Thiết lập cơ chế điều phối, thống nhất đảm bảo tính khả thi khi triển khai thực hiện. |